

### ***Chương XIII***

#### **Kinh tế đối ngoại trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

##### **I- Tính tất yếu khách quan và lợi ích của việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại**

##### **1. Tính tất yếu khách quan của việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại**

Kinh tế đối ngoại là tổng thể các quan hệ kinh tế, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của một quốc gia nhất định với các quốc gia khác hoặc với các tổ chức kinh tế khu vực và quốc tế, được thực hiện dưới nhiều hình thức, hình thành và phát triển trên cơ sở phát triển của lực lượng sản xuất và phân công, hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng.

Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại đã và đang là xu hướng tất yếu với hầu hết các nước. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại bắt nguồn từ yêu cầu của quy luật về sự phân công và hợp tác quốc tế giữa các nước từ sự phân bố tài nguyên thiên nhiên và sự phát triển không đều về kinh tế - kỹ thuật giữa các nước. Trong mấy chục năm gần đây sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học - công nghệ và tác động của nó đã khiến cho việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết đối với tất cả các quốc gia. Cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình quốc tế hoá đời sống kinh tế.

Một mặt, cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đẩy nhanh sự phát triển của lực lượng sản xuất, làm cho lực lượng sản xuất vượt khỏi khuôn khổ quốc gia để trở thành lực lượng sản xuất mang tính quốc tế và đẩy nhanh quá trình hình thành nền kinh tế thế giới như một chỉnh thể có nhiều quốc gia tham gia, vừa hợp tác vừa đấu tranh với nhau, hình thành thị trường quốc tế với giá cả quốc tế chi phối mọi hoạt động buôn bán quốc tế. Điều đó có ảnh hưởng sâu sắc và trực tiếp đến hoạt động kinh tế của mỗi quốc gia. Có thể nói, ngày nay không một quốc gia nào, dù lớn hay nhỏ, tiên tiến hay lạc hậu có thể phát triển kinh tế có hiệu quả nếu tách khỏi thị trường thế giới, không có quan hệ kinh tế đối ngoại.

Mặt khác, cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại dẫn tới sự phát triển mạnh mẽ của các phương tiện thông tin liên lạc và phương tiện giao thông, vận tải. Chính các phương tiện này đã làm rút ngắn khoảng cách và thời gian đi lại, thu nhận và xử lý thông tin giữa các nước, các khu vực và trên toàn thế giới nhanh chóng và thuận tiện, làm cho quá trình giao lưu, liên kết, phân công và hiệp tác quốc tế phát triển nhanh chóng cả về chiều rộng và chiều sâu.

Quá trình quốc tế hoá đời sống kinh tế diễn ra mạnh mẽ trong những thập niên

gần đây, được biểu hiện ở các khía cạnh sau:

*Một là*, sự phân công và hiệp tác quốc tế giữa các nước, các khu vực ngày càng phát triển. Ngày nay, rất nhiều sản phẩm quan trọng dù được đăng ký ở một nước, nhưng tham gia chế tạo nó có hàng trăm công ty của hàng chục nước. Ví dụ: sản xuất máy bay Bôinh có tới 650 công ty trên thế giới đặt ở 30 nước tham gia; sản xuất ô tô Pho có tới 165 công ty ở 20 nước tham gia.

*Hai là*, sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các nước ngày càng tăng. Sự chuyên môn hóa, hiệp tác hoá sản xuất làm cho các nước phụ thuộc vào nhau ngày càng chặt chẽ về nhiều mặt như: nguyên liệu, kỹ thuật, công nghệ, vốn đầu tư, lao động, thị trường... Trong đó, mỗi nước có những lợi thế riêng và đều tìm cách khai thác tối đa cả lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh của mình. Có thể nói, thị trường của nền kinh tế thế giới vừa là đầu vào vừa là đầu ra đối với hoạt động kinh tế của mỗi nước. Điều đó làm cho các nước vừa phụ thuộc vào nhau vừa lợi dụng lẫn nhau để phát huy thế mạnh, khắc phục thế yếu của mình, sản xuất những sản phẩm mình có ưu thế để bán và mua các sản phẩm không sản xuất được, hoặc nếu tự sản xuất thì chi phí sản xuất cá biệt sẽ rất cao.

*Ba là*, sự hình thành kết cấu hạ tầng sản xuất quốc tế và chi phí sản xuất quốc tế.

Hệ thống giao thông quốc tế gồm có: đường biển, đường sông, đường ô tô, đường sắt và hàng không. Ngày nay, mỗi dạng phương tiện đều có những tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động như: tiêu chuẩn về đường ô tô, cảng biển, sân bay, kho bãi, hệ thống tín hiệu, hệ thống luật... Các tiêu chuẩn đó đã và đang được quốc tế hóa. Cùng với các phương tiện giao thông, mạng lưới thông tin, liên lạc hiện đại cũng được quốc tế hóa.

Quốc tế hoá đời sống kinh tế còn biểu hiện ở sự hình thành chi phí sản xuất quốc tế, giá cả quốc tế. Mỗi nước do có các điều kiện sản xuất khác nhau nên sản xuất ra cùng một loại hàng hóa sẽ có chi phí sản xuất khác nhau. Dựa vào chi phí sản xuất quốc tế, các nước tìm cách khai thác các thế mạnh của mình để đạt hiệu quả kinh tế cao trong quan hệ kinh tế quốc tế. Điều đó lại thúc đẩy quá trình chuyên môn hóa và hiệp tác quốc tế phát triển.

Như vậy, khu vực hóa, quốc tế hoá đời sống kinh tế là một tất yếu khách quan, nó đòi hỏi các quốc gia phải tăng cường mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại nhằm khai thác có hiệu quả các nguồn lực quốc tế và trong nước. Đối với nước ta, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại không nằm ngoài tính quy luật và mục đích nói trên.

Sự tác động của cách mạng khoa học và công nghệ cùng với sự phát triển của các công ty xuyên quốc gia và vai trò ngày càng tăng của các định chế kinh tế - tài chính toàn cầu và khu vực đã thúc đẩy quốc tế hoá đời sống kinh tế phát

triển đến giai đoạn cao - toàn cầu hoá kinh tế. Toàn cầu hoá kinh tế là xu thế khách quan của thời đại, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia. Toàn cầu hoá kinh tế đang phát triển nhanh chóng, gia tăng mạnh mẽ quy mô và phạm vi giao dịch hàng hoá, dịch vụ, vốn, công nghệ, kỹ thuật. Toàn cầu hoá kinh tế tạo khả năng để mở rộng thị trường, thu hút vốn, công nghệ, đồng thời đặt ra thách thức mới về nguy cơ tụt hậu ngày càng xa của các nước kém phát triển và sự cạnh tranh quốc tế rất gay gắt. Toàn cầu hoá kinh tế khiến cho không một nền kinh tế nào có thể phát triển một cách biệt lập "đóng cửa", vì nếu biệt lập "đóng cửa" thì sẽ lạc hậu về kinh tế, xã hội... Đồng thời, cộng đồng quốc tế đứng trước nhiều vấn đề kinh tế, xã hội có tính toàn cầu mà không một nước riêng lẻ nào có thể giải quyết được mà không cần có sự hợp tác đa phương.

Như vậy, toàn cầu hoá kinh tế càng khẳng định tính tất yếu khách quan của mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế.

## **2. Lợi ích của mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại**

Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại mang lại lợi ích to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

- Góp phần nối liền sản xuất và trao đổi trong nước với sản xuất và trao đổi quốc tế, nối liền thị trường trong nước với thị trường khu vực và thế giới, mở rộng thị trường ra bên ngoài, đồng thời góp phần phát triển thị trường trong nước.

- Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, nước ta sẽ khai thác được các nguồn lực bên ngoài vô cùng quan trọng để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đó là nguồn vốn, công nghệ hiện đại và kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

- Tạo điều kiện khai thác và phát huy có hiệu quả lợi thế so sánh, các nguồn lực trong nước, kết hợp nguồn lực trong nước với nguồn lực bên ngoài, mở rộng không gian và môi trường để phát triển kinh tế.

- Góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nhiều công ăn việc làm, giảm thất nghiệp, tăng thu nhập, ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân.

- Góp phần đưa nước ta sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tất nhiên, những lợi ích to lớn của mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại chỉ đạt được khi hoạt động kinh tế đối ngoại vượt qua được những thách thức của toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế và giữ đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhận thức sâu sắc về tính tất yếu khách quan và lợi ích to lớn của mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế, xuất phát từ tình hình phát

triển kinh tế - xã hội của đất nước, Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã xác định nhiệm vụ "mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực, củng cố và nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế"<sup>1</sup>. Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định chủ trương: "phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững"<sup>2</sup>, xác định nhiệm vụ: "chủ động hội nhập kinh tế có hiệu quả, mở rộng kinh tế đối ngoại"<sup>3</sup>. Đại hội lần thứ X của Đảng đã đánh giá những thành tựu và hạn chế của hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn 2001-2005, đồng thời xác định "đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất"<sup>4</sup> là một nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

## II- Mục tiêu, phương hướng, nguyên tắc cơ bản nhằm mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại

### 1. Mục tiêu

Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại nhằm mở rộng thị trường, tranh thủ nguồn lực bên ngoài về vốn, công nghệ, kiến thức quản lý để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Mục tiêu đó phải được quán triệt đối với mọi ngành, mọi cấp trong hoạt động kinh tế đối ngoại, đồng thời cũng phải được quán triệt trong mọi lĩnh vực của kinh tế đối ngoại.

### 2. Phương hướng cơ bản nhằm mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, phát triển kinh tế đối ngoại

Xuất phát từ quan điểm của Đảng: "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển"<sup>1</sup>, phương hướng cơ bản nhằm phát triển kinh tế đối ngoại trong thời kỳ quá

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.84.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 89.

3. *Sđđ*, tr.330.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.113-114.

<sup>1</sup>. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 119.

độ là:

*Thứ nhất*, đa phương hoá quan hệ kinh tế đối ngoại và đa dạng hoá các hình thức kinh tế đối ngoại. Đây là phương hướng chủ yếu của quan hệ quốc tế trong giai đoạn hiện nay - giai đoạn hoà bình, phát triển trở thành xu hướng cơ bản của thời đại ngày nay.

*Thứ hai*, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại một cách có hiệu quả. Cần phải nhận thức rõ hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh mà vấn đề cốt lõi là giành thị trường, vốn, công nghệ và kỹ thuật, phải tuân thủ các nguyên tắc, luật lệ, tập quán quốc tế trên cơ sở cùng có lợi, "có đi có lại".

*Thứ ba*, trong điều kiện nền kinh tế thị trường quốc tế đã và đang từng bước trở thành nền kinh tế thị trường hiện đại và thống nhất, đồng thời luôn luôn biến động, việc phát triển kinh tế đối ngoại ở nước ta vừa cần tôn trọng và tuân thủ cơ chế thị trường vừa phải hết sức chú ý củng cố và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mỗi bước tiến của quan hệ kinh tế đối ngoại phải là mỗi bước tiến của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

### **3. Nguyên tắc cơ bản cần quán triệt trong việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại**

Để mở rộng kinh tế đối ngoại có hiệu quả cần quán triệt những nguyên tắc phản ánh những thông lệ quốc tế, đồng thời đảm bảo lợi ích chính đáng về kinh tế, chính trị của đất nước. Những nguyên tắc đó là:

#### *a) Nguyên tắc bình đẳng*

Đây là nguyên tắc có ý nghĩa rất quan trọng làm nền tảng cho việc thiết lập và lựa chọn đối tác trong quan hệ kinh tế giữa các nước.

Nguyên tắc này xuất phát từ thực tế là mọi quốc gia trong cộng đồng quốc tế đều là những quốc gia độc lập, có chủ quyền, có quyền bình đẳng trong quan hệ quốc tế. Nó cũng bắt nguồn từ yêu cầu của sự hình thành và phát triển thị trường quốc tế mà mỗi quốc gia là thành viên. Với tư cách là thành viên, mỗi quốc gia phải được bảo đảm có quyền tự do kinh doanh, quyền tự chủ như mọi quốc gia khác. Nói cách khác, bảo đảm tư cách pháp nhân của mỗi quốc gia trước luật pháp quốc tế và cộng đồng quốc tế.

Kiên trì đấu tranh để thực hiện nguyên tắc này là nhiệm vụ chung của các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển khi thực hiện mở cửa và hội nhập kinh tế ở thế bất lợi so với các nước phát triển.

*b) Nguyên tắc cùng có lợi*

Nguyên tắc này giữ vai trò là nền tảng kinh tế để thiết lập và mở rộng quan hệ kinh tế giữa các nước với nhau.

Cơ sở khách quan của nguyên tắc này là cùng có lợi bắt nguồn từ yêu cầu phải thực hiện đúng các quy luật kinh tế của thị trường diễn ra trên phạm vi quốc tế mà mỗi nước có lợi ích kinh tế dân tộc khác nhau. Trong nền kinh tế thị trường thế giới, nguyên tắc bình đẳng giữa các quốc gia sẽ là hình thức nếu các quốc gia tham dự không cùng có lợi ích kinh tế. Vì trong trường hợp đó, quan hệ kinh tế giữa các nước sẽ đi ra ngoài yêu cầu của quy luật giá trị. Quy luật dựa trên nguyên tắc ngang giá của kinh tế thị trường trong cộng đồng quốc tế.

Nguyên tắc cùng có lợi còn là động lực kinh tế để thiết lập và duy trì lâu dài mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia.

Cùng có lợi là một trong những nguyên tắc làm cơ sở cho chính sách kinh tế đối ngoại. Nguyên tắc này được cụ thể hoá thành những điều khoản làm cơ sở để ký kết các nghị định thư, hiệp định thương mại..., giữa các chính phủ và trong các hợp đồng kinh tế giữa các tổ chức kinh tế các nước với nhau.

*c) Nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của mỗi quốc gia*

Trong cộng đồng quốc tế, mỗi quốc gia với tư cách là quốc gia độc lập đều có chủ quyền về chính trị, kinh tế, xã hội và địa lý. Vì vậy trong quan hệ kinh tế, các bên quan hệ phải tôn trọng chủ quyền, đồng thời trên cơ sở tôn trọng chủ quyền không được phép can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Đó cũng chính là nguyên tắc để bảo đảm yêu cầu của nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.

Để thực hiện nguyên tắc này đòi hỏi mỗi bên trong các quan hệ phải tôn trọng các điều kiện ký kết, không đưa ra những điều kiện phương hại đến lợi ích của nhau, không được dùng các biện pháp có tính chất can thiệp vào nội bộ của các quốc gia, đặc biệt là không dùng các thủ đoạn kinh tế, kỹ thuật, kích động, can thiệp vào đường lối chính trị của các quốc gia, tôn trọng quyền tự lựa chọn con đường phát triển của các quốc gia.

*d) Nguyên tắc giữ vững độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa*

Đây là nguyên tắc cơ bản nhất trong việc phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam.

Việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại nhằm khai thác có hiệu quả nguồn lực quốc tế chủ yếu về vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý nhằm phát huy lợi thế, tăng sức cạnh tranh, nâng cao hiệu quả nhằm thực hiện mục tiêu cao nhất là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Mọi hoạt động trong lĩnh vực kinh tế đối

ngoại đều phải hướng vào mục tiêu đó, tránh tình trạng vì lợi ích kinh tế trước mắt, xa rời mục tiêu dẫn đến chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

### III- Những hình thức kinh tế đối ngoại chủ yếu hiện nay

#### 1. Ngoại thương

Ngoại thương hay còn gọi là thương mại quốc tế là sự trao đổi hàng hóa, dịch vụ (hàng hóa hữu hình và vô hình) giữa các quốc gia thông qua xuất nhập khẩu.

Ngoại thương là một trong những hình thức chủ yếu và có hiệu quả nhất trong các hình thức của kinh tế đối ngoại.

Đối với các nước, đặc biệt là những nước đang phát triển như nước ta, ngoại thương có tác dụng to lớn: góp phần làm tăng của cải và sức mạnh tổng hợp, tăng tích lũy của mỗi nước nhờ sử dụng có hiệu quả lợi thế so sánh giữa các quốc gia trong trao đổi quốc tế; là một động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; "điều tiết thừa, thiếu" của mỗi nước; nâng cao trình độ công nghệ và cơ cấu ngành nghề trong nước; tạo công ăn việc làm và nâng cao đời sống của người lao động, nhất là trong các ngành xuất khẩu.

Nội dung của ngoại thương bao gồm: xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa, gia công tái xuất khẩu, xuất khẩu tại chỗ (bán hàng thu ngoại tệ trong nước). Trong đó, xuất khẩu là hướng ưu tiên và là trọng điểm của hoạt động ngoại thương ở các nước nói chung và ở nước ta nói riêng.

Quá trình phát triển thương mại quốc tế đòi hỏi tự do hoá thương mại; đồng thời thực hiện bảo hộ mậu dịch một cách hợp lý. Đối với nước ta hiện nay, để đẩy mạnh hoạt động ngoại thương cần hướng vào giải quyết các vấn đề sau:

+ Tăng kim ngạch xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu.

Nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống trong nền kinh tế "mở" đòi hỏi phải tăng nhập khẩu. Do vậy, tăng kim ngạch xuất khẩu là yêu cầu bức xúc đối với nước ta.

Định hướng đẩy mạnh xuất khẩu trong những năm tới là: Tăng nhanh tỷ trọng xuất khẩu các sản phẩm chế biến có giá trị tăng thêm cao, giàu hàm lượng công nghệ, có sức cạnh tranh, tạo thêm các sản phẩm xuất khẩu chủ lực mới, hạn chế và tiến tới chấm dứt xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên và nông sản chưa qua chế biến; Củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu, tạo thị trường ổn định cho các mặt hàng có khả năng cạnh tranh; Tăng thêm thị phần ở các thị trường lớn và khai mở các thị trường còn nhiều tiềm năng. Phấn đấu đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm tới (2006-2010) lên hơn hai lần 5 năm trước (tổng kim ngạch xuất

khẩu hàng hoá 5 năm: 2001-2005 đạt gần 111 tỷ USD).

+ Về nhập khẩu - chính sách mặt hàng nhập.

Chính sách nhập khẩu phải tập trung vào việc hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phục vụ chiến lược hướng mạnh vào xuất khẩu đồng thời thay thế nhập khẩu những mặt hàng có thể sản xuất có hiệu quả ở trong nước;

+ Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa chính sách thương mại tự do và chính sách bảo hộ thương mại.

Chính sách thương mại tự do có nghĩa là Chính phủ không can thiệp bằng biện pháp hành chính đối với ngoại thương, cho phép hàng hóa cạnh tranh tự do trên thị trường trong nước và nước ngoài, không thực hiện đặc quyền và ưu đãi đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của nước mình, không có sự kỳ thị đối với hàng hóa xuất khẩu của nước ngoài.

Chính sách bảo hộ thương mại có nghĩa là Chính phủ thông qua biện pháp thuế quan và phi thuế quan như: hạn chế về số lượng nhập khẩu, chế độ quản lý ngoại tệ để hạn chế hàng hóa nước ngoài xâm nhập. Cần kết hợp hai xu hướng đó trong chính sách ngoại thương sao cho vừa bảo vệ và phát triển kinh tế, bảo vệ thị trường trong nước, vừa thúc đẩy tự do thương mại, khai thác có hiệu quả thị trường thế giới.

+ Hình thành tỷ giá hối đoái một cách chủ động, hợp lý.

Tỷ giá hối đoái là tỷ giá giữa đồng tiền của nước sở tại với đồng tiền của nước ngoài. Tỷ giá hối đoái là một trong những đòn bẩy kinh tế quan trọng trong trao đổi kinh tế đặc biệt ảnh hưởng trực tiếp đối với xuất, nhập khẩu. Do vậy, việc xây dựng một tỷ giá hối đoái thống nhất, sát giá thị trường tiền tệ là rất cần thiết cho mỗi nước.

## **2. Đầu tư quốc tế**

Đầu tư quốc tế là một hình thức cơ bản của quan hệ kinh tế đối ngoại. Nó là quá trình trong đó một hay nhiều bên (có quốc tịch khác nhau) cùng góp vốn để xây dựng và triển khai một dự án đầu tư nhằm đưa lại lợi ích cho tất cả các bên tham gia. yếu tố quốc tế của đầu tư quốc tế thể hiện sự khác nhau về quốc tịch của các bên tham gia đầu tư, nhưng mọi hoạt động đầu tư quốc tế đều nhằm mục đích sinh lợi.

Đầu tư quốc tế có tác động hai mặt đối với các nước nhận đầu tư. Một mặt làm tăng thêm nguồn vốn, tăng công nghệ mới, nâng cao trình độ quản lý tiên tiến, tạo thêm việc làm, đào tạo tay nghề, khai thác tài nguyên, chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tiếp cận kinh tế thị trường hiện đại trên thế giới. Mặt khác đối với các nước kém phát triển, đầu tư quốc tế cũng có khả năng làm tăng



sự phân hóa giữa các giai tầng trong xã hội, giữa các vùng lãnh thổ, làm cạn kiệt tài nguyên, làm ô nhiễm môi trường sinh thái, tăng tính lệ thuộc vào bên ngoài. Những điều bất lợi này cần được tính đến và cân nhắc kỹ trong quá trình xây dựng, thẩm định, ký kết và thực thi dự án nhận đầu tư.

Có hai loại hình đầu tư quốc tế: đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp.

Đầu tư trực tiếp (FDI) là hình thức đầu tư mà quyền sở hữu và quyền sử dụng quản lý vốn của người đầu tư thống nhất với nhau, tức là người có vốn đầu tư trực tiếp tham gia vào việc tổ chức quản lý và điều hành dự án đầu tư, chịu trách nhiệm về kết quả, rủi ro trong kinh doanh và thu lợi nhuận.

Đầu tư quốc tế trực tiếp được thực hiện dưới các hình thức chủ yếu sau:

- Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng. Hình thức này không cần thành lập một pháp nhân mới.

- Xí nghiệp liên doanh mà vốn do hai bên cùng góp theo tỷ lệ nhất định để hình thành xí nghiệp mới có Hội đồng quản trị và ban điều hành chung.

- Xí nghiệp 100% vốn nước ngoài.

- Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao. Hình thức này đòi hỏi cần có nguồn vốn lớn của bên ngoài và thường đầu tư cho các công trình kết cấu hạ tầng.

Thông qua các hình thức trên mà các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao... sớm hình thành và phát triển.

Đầu tư gián tiếp là loại hình đầu tư mà quyền sở hữu tách rời quyền sử dụng vốn đầu tư, tức là người có vốn không trực tiếp tham gia vào việc tổ chức, điều hành dự án mà thu lợi dưới hình thức lợi tức cho vay (nếu là vốn cho vay) hoặc lợi tức cổ phần (nếu là cổ phần). Trong các nguồn vốn đầu tư gián tiếp, một bộ phận quan trọng là viện trợ phát triển chính thức (ODA) cho chính phủ một số nước có nền kinh tế đang phát triển. Bộ phận này có tỷ trọng lớn và thường đi kèm với điều kiện ưu đãi. ODA bao gồm các khoản hỗ trợ không hoàn lại và các khoản tín dụng ưu đãi khác do các tổ chức trong hệ thống Liên Hợp Quốc, các chính phủ, các tổ chức kinh tế dành cho các nước chậm phát triển. Các hình thức viện trợ chủ yếu của ODA là tiền mặt, hàng hóa, tín dụng thương mại ưu đãi, hỗ trợ công trình, hỗ trợ dự án.

Từ năm 1988 đến hết năm 2005, nguồn vốn đầu tư trực tiếp vào nước ta đã có gần 65,7 tỷ USD đăng ký và khoảng 33 tỷ USD thực hiện. Trong giai đoạn 2001-2005, tổng vốn FDI thực hiện là 14,3 tỷ USD; tổng vốn ODA cam kết đạt 11,2 tỷ USD, vốn ODA giải ngân đạt 7,9 tỷ USD. Tuy nhiên, môi trường đầu tư của Việt Nam kém hấp dẫn so với một số nước xung quanh. Chưa thu hút được

hiều vốn đầu tư và công nghệ tiên tiến của các tập đoàn kinh tế lớn; chưa chủ động khai thác vốn đầu tư gián tiếp quốc tế.

Định hướng đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài trong giai đoạn 2006-2010 là: Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, chú trọng cải cách hành chính, đào tạo nguồn nhân lực, tạo lập những điều kiện thuận lợi hơn nữa để thu hút mạnh các nguồn vốn quốc tế; mở rộng địa bàn và hình thức thu hút FDI, hướng vào các thị trường giàu tiềm năng và các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về số lượng và chất lượng, hiệu quả nguồn FDI. Đẩy nhanh tốc độ giải ngân ODA. Từng bước mở rộng đầu tư gián tiếp của nước ngoài.

### **3. Hợp tác khoa học - kỹ thuật**

Hợp tác khoa học - kỹ thuật được thực hiện dưới nhiều hình thức, như: trao đổi những tài liệu - kỹ thuật và thiết kế, mua bán giấy phép, trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ, phối hợp nghiên cứu khoa học kỹ thuật, hợp tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân.

Đối với những nước lạc hậu về kỹ thuật, vốn chi cho nghiên cứu khoa học kỹ thuật còn ít, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật chưa nhiều, phương tiện vật chất còn thiếu thốn như nước ta thì việc tham gia hợp tác khoa học kỹ thuật với nước ngoài là vô cùng quan trọng. Đó là điều kiện thiết yếu để rút ngắn khoảng cách với các nước tiên tiến.

### **4. Tín dụng quốc tế**

Đây là quan hệ tín dụng giữa nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội, các cá nhân ở trong nước với các chính phủ, các tổ chức (gồm cả tổ chức phi chính phủ) và cá nhân ở nước ngoài, trong đó với các tổ chức ngân hàng thế giới và ngân hàng khu vực là chủ yếu.

Tín dụng quốc tế được thể hiện dưới nhiều hình thức: hoặc vay nợ bằng tiền tệ, vàng, công nghệ, hàng hóa, hoặc có thể qua hình thức đầu tư trực tiếp (bên nhận đầu tư không có vốn, phải vay của bên đầu tư).

Ưu điểm của hình thức này là vay nợ để có vốn đầu tư mở rộng sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng - những khu vực cần vốn đầu tư lớn, thu hồi vốn chậm.

Tuy nhiên, nếu không có phương án đầu tư đúng, được tính toán một cách khoa học thì việc chi tiêu vốn vay sẽ không có hiệu quả, vốn vay sẽ trở thành một gánh nặng cho nền kinh tế.

### **5. Các hình thức dịch vụ thu ngoại tệ**

Các hình thức dịch vụ thu ngoại tệ chủ yếu là:

*a) Du lịch quốc tế*

Du lịch là nhu cầu khách quan, vốn có của con người, kinh tế càng phát triển, năng suất lao động càng cao thì nhu cầu du lịch - nhất là du lịch quốc tế càng tăng.

Ngành kinh tế du lịch là một ngành kinh doanh tổng hợp bao gồm các hoạt động tổ chức, hướng dẫn du lịch, sản xuất, trao đổi hàng hóa và dịch vụ nhằm đáp ứng các nhu cầu đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi, lưu trú, thăm quan, giải trí, tìm hiểu, lưu niệm... của du khách.

Phát triển ngành du lịch quốc tế sẽ phát huy lợi thế của Việt Nam về cảnh quan thiên nhiên, về nhiều loại lao động đặc thù mang tính dân tộc, truyền thống của Việt Nam.

#### *b) Vận tải quốc tế*

Sự ra đời và phát triển của vận tải quốc tế gắn liền với sự phân công lao động xã hội và quan hệ buôn bán giữa các nước với nhau.

Sự phát triển của vận tải quốc tế có tác dụng tăng nguồn thu ngoại tệ thông qua vận tải và tiết kiệm chi ngoại tệ do phải thuê vận chuyển khi nhập khẩu hàng hóa.

Vận tải quốc tế sử dụng các phương thức như: đường biển, đường sắt, đường bộ (ôtô), đường hàng không... trong các phương thức đó, vận tải đường biển có vai trò quan trọng nhất.

Việt Nam có vị trí địa lý quan trọng lại có nhiều hải cảng thuận tiện cho vận tải đường biển nên có thể phát huy thế mạnh của mình thông qua việc đẩy mạnh vận tải quốc tế.

#### *c) Xuất khẩu lao động ra nước ngoài và tại chỗ*

Hiện nay nhu cầu lao động ở các nước phát triển vẫn còn lớn do kinh tế phát triển, tỷ lệ tăng dân số ở các nước này có xu hướng giảm và nhất là do chuyển dịch cơ cấu kinh tế bởi cách mạng khoa học và công nghệ. Những ngành khó cơ giới hoá tự động hoá, độc hại, nguy hiểm hoặc cần nhiều lao động không lành nghề như xây dựng, khai mỏ, công nghiệp nhẹ, công nghiệp lắp ráp ô tô, điện tử hiện vẫn cần lao động.

Việt Nam với dân số trên 83 triệu người, kinh tế chưa phát triển là một nước có thương mại lao động lớn. Việc xuất khẩu lao động mang lại nhiều lợi ích trước mắt và lâu dài.

#### *d) Các hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ khác*

Ngoài những hoạt động nêu trên, lĩnh vực kinh tế đối ngoại còn có nhiều hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ khác như dịch vụ thu bảo hiểm, dịch vụ thông tin bưu điện, dịch vụ kiều hối, dịch vụ ăn uống, dịch vụ tư vấn.

## **6. Phân công hợp tác sản xuất quốc tế trên cơ sở chuyên môn hóa**

Do sự phát triển của lực lượng sản xuất, phân công và hợp tác sản xuất không chỉ trong phạm vi quốc gia mà mang tính quốc tế. Trong nền kinh tế hiện đại, mỗi quốc gia có những ưu thế riêng trong việc sản xuất ra những sản phẩm nhất định, thậm chí những chi tiết sản phẩm nhất định. Nếu các quốc gia thực hiện phân công và hợp tác sản xuất trên cơ sở chuyên môn hoá, sản phẩm có thể đạt được chất lượng tốt nhất, chi phí thấp nhất và đem lại lợi ích cho tất cả các bên tham gia.

Chuyên môn hóa bao gồm: chuyên môn hóa những ngành khác nhau và chuyên môn hóa trong cùng một ngành (chuyên môn hóa theo sản phẩm, theo bộ phận sản phẩm hay chi tiết và công nghệ). Hình thức hợp tác này làm cho cơ cấu kinh tế ngành của các nước tham gia đan kết vào nhau, phụ thuộc lẫn nhau.

### **IV- Các giải pháp chủ yếu nhằm mở rộng, nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại**

Để thực hiện mở rộng và nâng cao hiệu quả của kinh tế đối ngoại cần thực hiện đồng thời hàng loạt các giải pháp trong đó có các giải pháp chủ yếu sau đây:

#### **1. Bảo đảm sự ổn định về môi trường chính trị, kinh tế - xã hội**

Môi trường chính trị, kinh tế - xã hội là nhân tố cơ bản, có tính quyết định đối với hoạt động kinh tế đối ngoại, đặc biệt là đối với việc thu hút đầu tư nước ngoài - hình thức chủ yếu, quan trọng của hoạt động kinh tế đối ngoại. Kinh nghiệm thực tiễn đã chỉ ra rằng nếu sự ổn định chính trị không được bảo đảm, môi trường kinh tế không thuận lợi, thiếu các chính sách khuyến khích, môi trường xã hội thiếu tính an toàn... sẽ tác động gián tiếp hoặc trực tiếp đến tỷ suất lợi nhuận của các đối tác, theo đó, sẽ tác động xấu tới quan hệ hợp tác kinh tế, trước hết là đối với việc thu hút đầu tư nước ngoài.

#### **2. Có chính sách thích hợp đối với từng hình thức kinh tế đối ngoại**

Đây là giải pháp quan trọng nhằm phát triển đa dạng, hiệu quả kinh tế đối ngoại. Một mặt phải mở rộng các hình thức kinh tế đối ngoại, mặt khác phải sử dụng linh hoạt phù hợp với điều kiện cụ thể. Đặc biệt là phải sử dụng chính sách thích hợp đối với mỗi hình thức kinh tế đối ngoại. Chẳng hạn đối với hình thức ngoại thương cần phải có chính sách khuyến khích mạnh mẽ sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu, tăng nhanh tỷ trọng sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, phát triển mạnh mẽ những sản phẩm hàng hóa dịch vụ có khả năng cạnh tranh, có cơ chế bảo hiểm hàng xuất khẩu, đặc biệt là nông sản, đầu tư cho sản xuất trong nước, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu tiến tới cân bằng xuất nhập khẩu, v.v..

#### **3. Xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội**

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nói chung, kinh tế đối ngoại nói riêng. Trong điều kiện nền kinh tế tri thức đang hình thành và từng bước phát triển, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội càng đóng vai trò quan trọng và yêu cầu chất lượng ngày càng cao. Trong đó đặc biệt là kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật mà trước hết là hệ thống thông tin liên lạc, giao thông vận tải.

Do vậy, phải có chiến lược đầu tư đúng, nhất là đầu tư tập trung có trọng điểm, dứt điểm và có hiệu quả cao, đặc biệt phải kiên quyết chống các hiện tượng tiêu cực gây thất thoát vốn đầu tư.

#### **4. Tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước đối với kinh tế đối ngoại**

Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn những năm vừa qua đã khẳng định rằng nếu thiếu sự quản lý của Nhà nước, kinh tế đối ngoại sẽ không thể mở rộng và mang lại hiệu quả cao, thậm chí còn dẫn đến những hậu quả khó lường trước không chỉ về kinh tế mà còn nguy hại hơn là hậu quả về chính trị. Vì vậy việc tăng cường quản lý nhà nước trở thành vấn đề cấp bách. Chỉ có tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước mới có thể bảo đảm mục tiêu, phương hướng và giữ vững được những nguyên tắc cơ bản trong kinh tế đối ngoại và có như vậy hoạt động kinh tế đối ngoại mới mang lại hiệu quả cao. Thông qua sự tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước sẽ khắc phục được tình trạng cạnh tranh thiếu lành mạnh, phát huy hiệu quả của sự hợp tác trong nước để có sức mạnh cạnh tranh quốc tế, tránh được sự thua thiệt về lợi ích...

#### **5. Xây dựng đối tác và tìm kiếm đối tác trong quan hệ kinh tế đối ngoại**

Do hình thức kinh tế đối ngoại rất đa dạng nên đối tác cũng hết sức đa dạng. Cũng vì thế vừa xây dựng đối tác và tìm kiếm đối tác quan hệ trở thành vấn đề phức tạp cần được xử lý linh hoạt.

Đối với việc xây dựng đối tác trong nước, điều quan trọng là phải từng bước xây dựng các đối tác mạnh (về vốn, công nghệ, năng lực quản lý, phong cách giao tiếp quốc tế...) có tầm cỡ quốc tế, đóng vai trò đầu tàu trong quan hệ kinh tế quốc tế. Trong nền kinh tế thị trường, doanh nghiệp vẫn là những chủ thể chủ yếu trực tiếp hoạt động kinh tế đối ngoại nên cần phải xúc tiến xây dựng một số doanh nghiệp nhà nước thành tập đoàn xuyên quốc gia. Các tập đoàn này sẽ là lực lượng đầu tàu trong việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại và thông qua đó lôi cuốn các doanh nghiệp khác.

Trong quan hệ kinh tế đối ngoại, việc lựa chọn đối tác thích hợp luôn là vấn đề quan trọng đối với Việt Nam. Song trong tương lai và lâu dài cần quan tâm hơn đối với các công ty xuyên quốc gia vì đó là nguồn lực quốc tế lớn về vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý mà chúng ta rất cần khai thác.

Mỗi giải pháp trong hệ thống 5 giải pháp nói trên tuy đều có vị trí khác nhau, song sự phân định cũng chỉ có ý nghĩa tương đối. Để mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo nên sức mạnh tổng hợp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại của nền kinh tế nước ta.

Các giải pháp mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại phải đặt trong tổng thể các giải pháp đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế. Đó là các giải pháp chủ yếu sau: Nâng cao nhận thức chung về hội nhập kinh tế quốc tế; xây dựng chiến lược phát triển, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước; đổi mới cơ chế chính sách quản lý, hoàn thiện hệ thống pháp luật; đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực; đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế.

### Câu hỏi ôn tập

1. Phân tích sự tất yếu khách quan và lợi ích của việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại ở nước ta hiện nay.
2. Phân tích các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kinh tế đối ngoại.
3. Trình bày các hình thức kinh tế đối ngoại chủ yếu.
4. Trình bày các giải pháp chủ yếu nhằm mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.